

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên giảm điểm mạnh do áp lực bán gia tăng ở hầu hết nhóm cổ phiếu sau thông tin xuất hiện ca nhiễm Covid-19 trong cộng đồng tại Hải Dương

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm mạnh trong phiên hôm nay do diễn biến tiêu cực của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PVT, MSB

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, có thể mở lại 1 phần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ cấp trung đã đề cập.

27/01/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,097.17	-3.43
VN30	1,083.63	-3.69
HĐTL VN30F1M	1,082.20	-4.48
HNXIndex	220.79	-3.09
HNX30	330.73	-5.04
UPCoM	74.46	-2.56
USD/VND	23,070	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.20	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+9
Dầu (WTI, \$)	52.92	+0.59
Vàng (LME, \$)	1,846.68	-0.23



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,097.17 (-3.43%)
KLGD (triệu CP) 745.1 (+3.8%)
GTGD (triệu US\$) 727.3 (+3.1%)

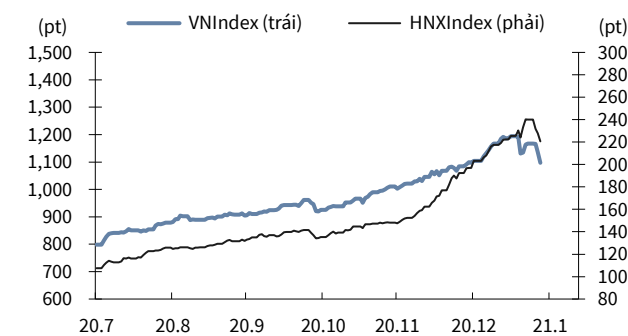
HNXIndex 220.79 (-3.09%)
KLGD (triệu CP) 137.4 (-25.1%)
GTGD (triệu US\$) 80.5 (-24.5%)

UPCoM 74.46 (-2.56%)
KLGD (triệu CP) 56.0 (-20.9%)
GTGD (triệu US\$) 31.5 (-12.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +1.3

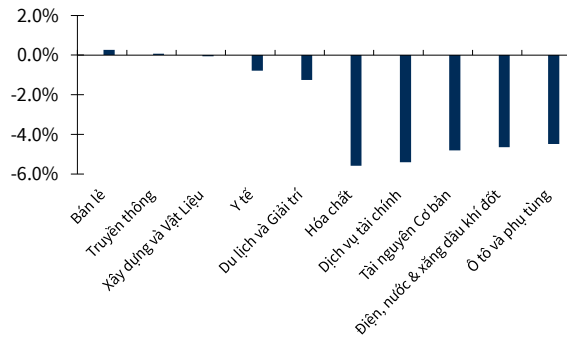
TTCK Việt Nam tiếp tục có phiên giảm điểm mạnh do áp lực bán gia tăng ở hầu hết nhóm cổ phiếu sau thông tin xuất hiện ca nhiễm Covid-19 trong cộng đồng tại Hải Dương, trong khi TTCK toàn cầu diễn biến tiêu cực chờ đợi thông tin về cuộc họp chính sách FED. Nhóm cổ phiếu chịu tác động mạnh bởi dịch Covid-19 như VRE (-6.9%), DGW (-5.1%) đồng loạt điều chỉnh sâu. Theo Hội Mỹ nghệ và chế biến gỗ TP HCM, ngành gỗ Việt Nam hầu như không bị gián đoạn về sản xuất do dịch Covid-19 mà còn ghi nhận giá trị xuất khẩu kỷ lục trên 1 tỷ USD/tháng giúp cổ phiếu nhóm gỗ giao dịch tích cực hơn thị trường chung GTA (+2.3%), VIF (+0%). Theo Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam, năm 2020 tổng xuất khẩu cá tra sang Trung Quốc – Hồng Kông đạt 514.8 triệu USD (+22.3% YoY), thấp hơn nhiều so với dự báo VASEP khiến cổ phiếu thủy sản giảm giá VHC (-1.2%). Khối ngoại mua ròng ở NVL (+0.3%), KBC (-6.9%), LPB (-2.5%).

VNIndex & HNXIndex



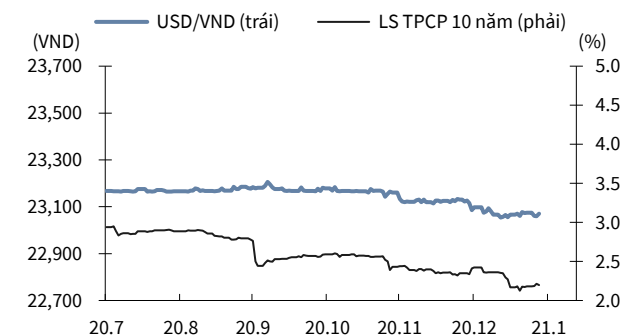
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



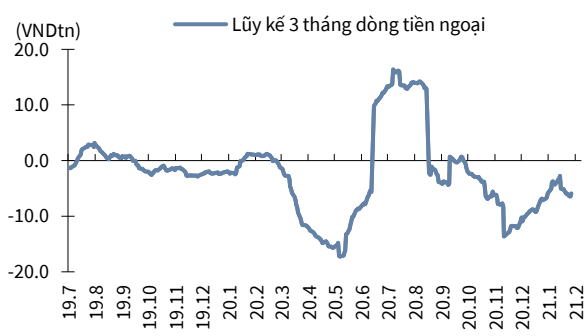
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

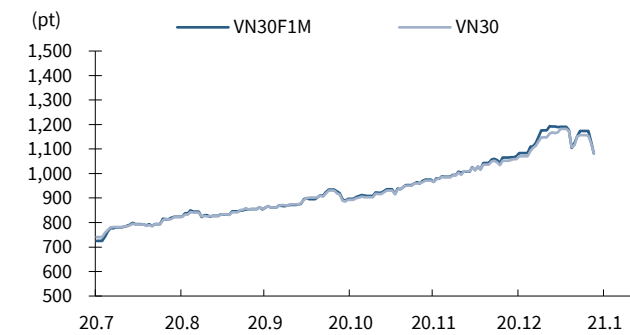
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30 1,083.63 (-3.69%)
VN30F1M 1,082.2 (-4.48%)
Mở cửa 1,127.5
Cao nhất 1,134.8
Thấp nhất 1,078.0

HĐTL giảm mạnh trong phiên hôm nay do diễn biến tiêu cực của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức 1.01 và giao động trong ngưỡng 3.8 và 14.7 trước khi đóng cửa ở -1.43 khi bên SHORT gia tăng vị thế. NĐTNN bán ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản tăng mạnh do thị trường biến động trời sục.

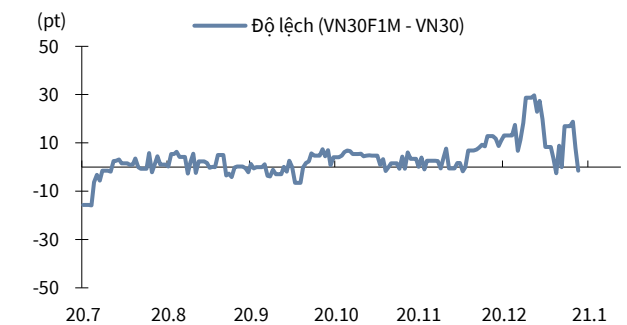
KLGD (HĐ) 287,323 (+17.9%)

HĐTL VN30F1M & VN30



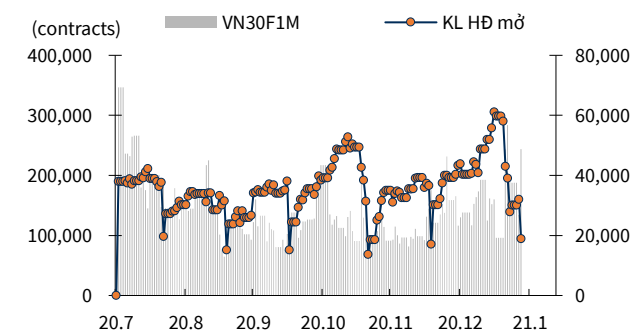
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



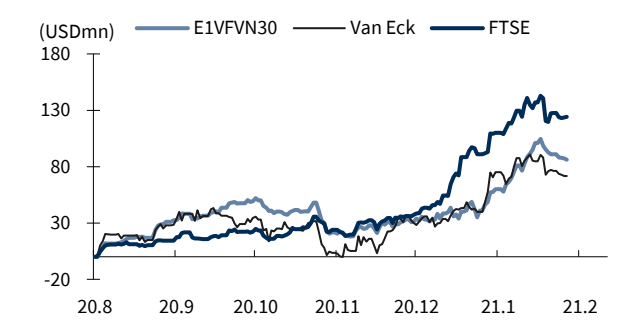
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

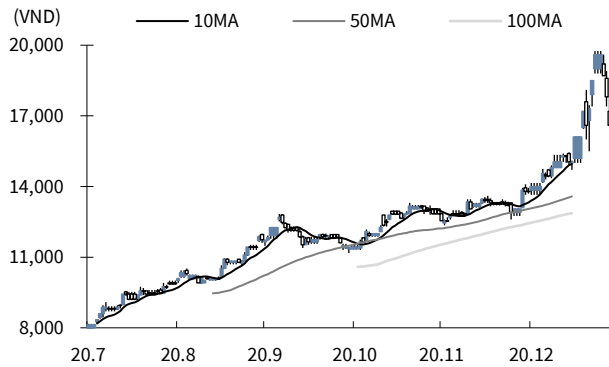
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng công ty cổ phần Vận tải Dầu khí (PVT)

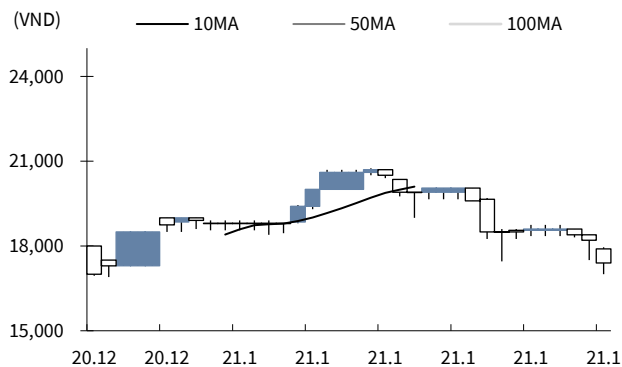


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PVT giảm -6.7% xuống 16,600 VNĐ/cp.

- PVT công bố kết quả kinh doanh ước tính năm 2020 với lợi nhuận 767 tỷ đồng (-6% yoy), doanh thu 7,250 tỷ đồng (-7% yoy), lần lượt hoàn thành 175% và 117% kế hoạch năm. Ban lãnh đạo cho biết hiện tại khoảng 80% đội tàu của PVT đang khai thác ở thị trường quốc tế. Đối với thị trường nội địa, các đơn vị trong Tập đoàn là đối tác lớn của PVT gồm Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, PVEP, PVOil.

Maritime Bank (MSB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

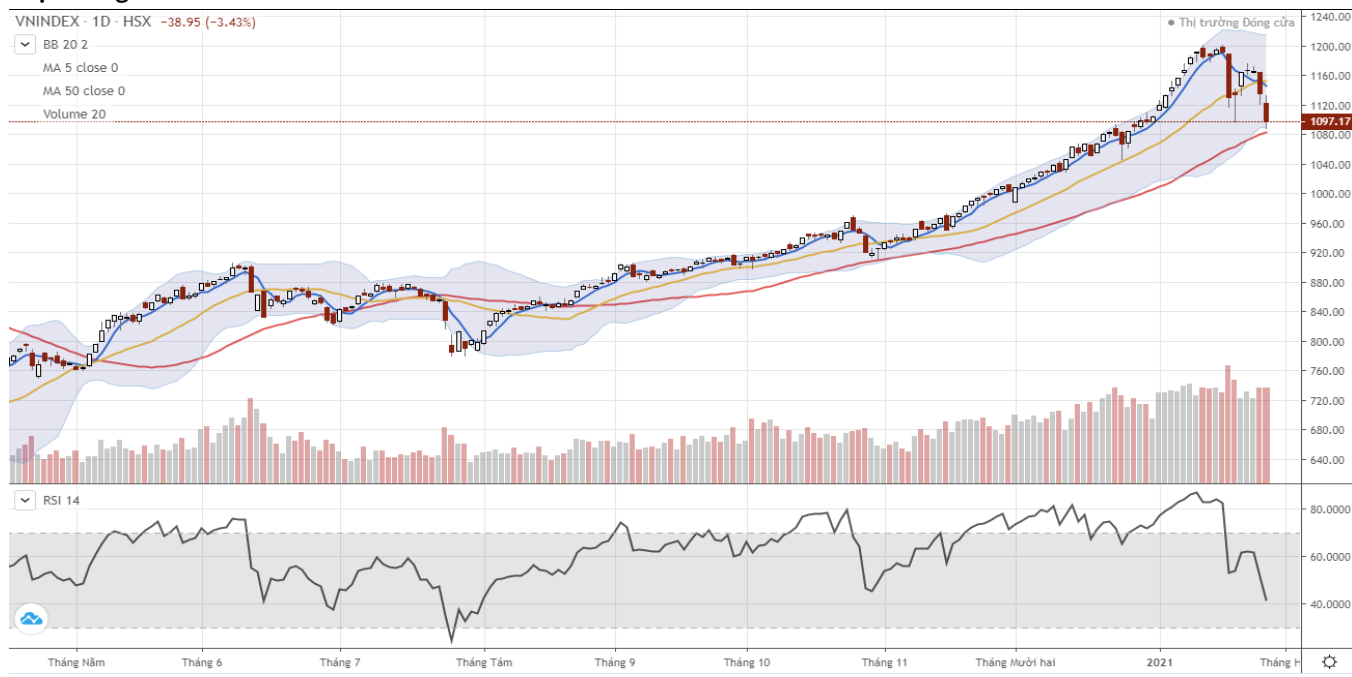
- MSB giảm -4.4% xuống 17,400 VNĐ/cp.

- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh công bố ngày đăng ký cuối cùng thực hiện Quyền mua cổ phiếu quỹ MSB là ngày 29/01/2021 với giá chào bán 11,500 VNĐ/cổ phiếu. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán đợt này là 82,522,811 cổ phần với tỷ lệ thực hiện là 10,100:775.7 (nhà đầu tư nắm giữ 10,100 cổ phiếu được mua 775,7 cổ phiếu mới).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

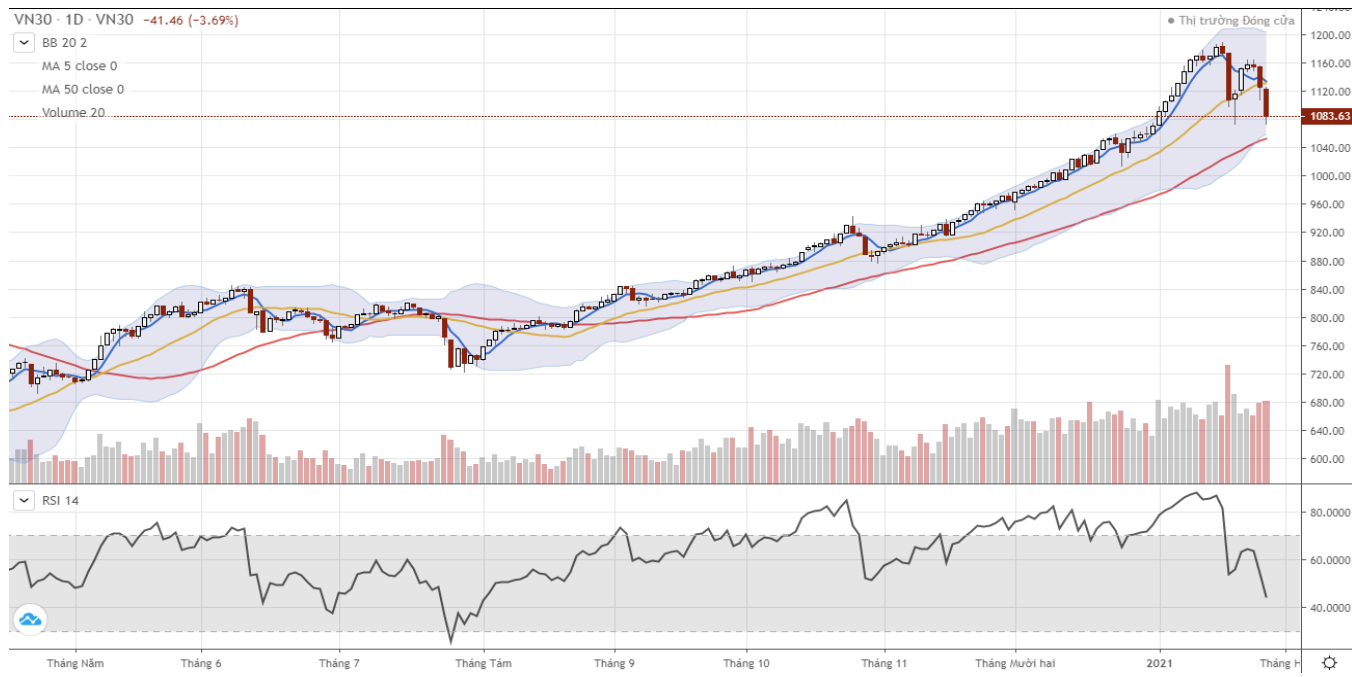
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap giảm điểm, giảm co hồi phục nhẹ vào đầu phiên trước khi lao dốc về cuối phiên.
- Sau khi chớm phá đáy ngắn hạn, chỉ số đã về gần cận trên của vùng hỗ trợ cấp trung tại 1065-1085 và nhiều khả năng sẽ thử thách quanh cận dưới của điểm đỡ này trong phiên kế tiếp trước khi có thể cho phản ứng hồi phục.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn, có thể mở lại 1 phần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ cấp trung đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1110 – 1115

Kháng cự gần: 1097 - 1100

Hỗ trợ gần: 1065 - 1070

Hỗ trợ xa: 1045 - 1050

- F1 mở gap giảm điểm, hồi phục giằng co đầu phiên trước khi lao dốc mạnh về cuối phiên.
- Chỉ số đang thử thách kênh tăng điểm từ cuối tháng 7 và không loại trừ khả năng sẽ phá kênh tăng này trong phiên ngày mai trước khi cho phản ứng hồi phục với vùng hỗ trợ cấp trung tại 1045-1065.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục giao dịch 2 chiều nhưng cần đặt STOP chặt.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Có thể mở lại 1 phần vị thế LONG khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

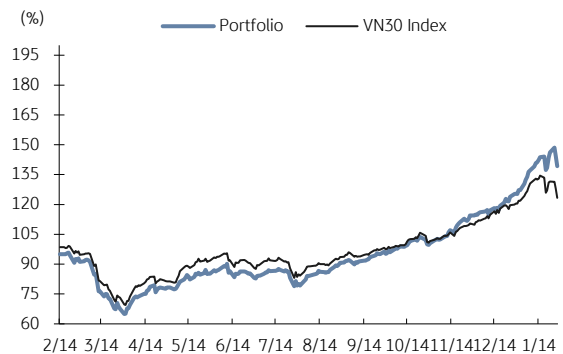
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-3.69%	-3.63%
Tăng lũy kế (YTD)	23.27%	39.23%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 27/01/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	133,500	1.1%	15.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	34,000	0.3%	39.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,500	-1.8%	8.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	24,000	-6.3%	41.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đẩy nhanh kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	51,900	-2.8%	52.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	63,000	-4.5%	88.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,600	-5.5%	33.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	79,000	-5.2%	7.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	40,300	-4.7%	106.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	39,600	-6.9%	189.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVL	0.3%	6.9%	86.0
KBC	-6.9%	19.0%	63.2
LPB	-2.5%	3.9%	37.3
VHM	-4.2%	22.2%	28.3
NLG	0.3%	47.9%	23.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-3.2%	57.8%	-99.0
VGC	6.9%	7.7%	-65.8
HPG	-4.7%	31.1%	-47.5
VND	-6.9%	23.2%	-40.9
FCN	-6.9%	44.7%	-38.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	4.5%	5.6%	0.3
SHS	-9.6%	9.1%	-1.2
VCS	-7.2%	3.3%	0.6
IDJ	-6.6%	3.5%	0.5
LHC	-10.0%	21.8%	-0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-9.6%	3.8%	-3.5
SHB	-4.9%	5.8%	-0.6
BVS	-9.7%	14.5%	-0.5
DST	-8.3%	1.2%	-0.4
S99	5.4%	0.4%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	6.4%	MWG, ABS
Hàng cá nhân & Gia dụng	6.1%	TCM, PNJ
Xây dựng và Vật Liệu	4.3%	VGC, HBC
Ô tô và phụ tùng	0.5%	DRC, CSM
Truyền thông	0.5%	AAA, PNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-9.5%	SSI, FIT
Bảo hiểm	-8.9%	BVH, BMI
Hóa chất	-7.7%	GVR, PHR
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-7.0%	GAS, POW
Dầu khí	-6.1%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	12.2%	TCM, PNJ
Bán lẻ	10.7%	MWG, ABS
Ô tô và phụ tùng	10.4%	TCH, DRC
Công nghệ thông tin	10.0%	FPT, SAM
Xây dựng và Vật Liệu	7.0%	VGC, ROS

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-10.4%	BVH, BMI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-6.8%	GAS, POW
Dầu khí	-5.6%	PLX, PVD
Truyền thông	-4.3%	YEG, AAA
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.6%	PAN, GEX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	100,000	338,243 (14,662)	126,240 (5.5)	22.7	53.6	41.0	20.7	7.3	8.5	3.5	3.2	-1.5	-3.2	-5.6	
	VHM	VINHOMES JSC	93,900	308,885 (13,389)	265,724 (11.5)	26.9	11.6	9.8	34.2	36.8	30.8	3.6	2.7	-4.2			4.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,450	78,281 (3,393)	262,528 (11.4)	17.7	34.8	25.0	-12.1	8.1	10.8	2.7	2.5	-6.9	-6.4	13.1	9.7
	NVL	NO VA LAND INVES	81,200	86,393 (3,745)	370,183 (16.0)	31.4	21.0	20.1	3.1	16.1	13.5	3.0	2.7	0.2	12.8	23.5	24.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	34,250	19,139 (830)	47,842 (2.1)	11.0	17.6	15.3	13.9	14.0	15.1	2.4	2.2	-1.6	4.4	20.4	16.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,000	10,884 (472)	199,928 (8.7)	13.7	10.6	7.1	-	13.7	18.2	1.4	1.1		20.0	38.2	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	97,400	361,245 (15,659)	104,220 (4.5)	6.3	18.3	14.5	17.8	19.3	20.7	3.1	2.7	-3.5	-1.7	-0.2	-0.5
	BID	#N/A Requesting Data...	41,300	166,109 (7,200)	101,019 (4.4)	12.6	29.7	18.7	-7.2	9.3	12.2	2.1	1.9	-2.9	-9.2	11.4	-13.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	33,500	117,414 (5,089)	555,641 (24.1)	0.0	10.5	9.1	9.3	16.8	16.4	1.6	1.4	-4.3	-2.9	13.4	6.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	32,600	121,383 (5,262)	343,541 (14.9)	1.3	12.9	9.7	31.2	12.6	14.8	1.5	1.3	-5.5	-8.6	-6.1	-5.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	31,850	78,184 (3,389)	200,848 (8.7)	0.0	7.3	6.5	18.8	18.5	17.2	1.3	1.0	-5.9	-6.9	-2.0	-2.0
	MBB	MILITARY COMMERC	24,000	67,170 (2,912)	495,999 (21.5)	0.0	7.3	6.0	14.6	18.1	18.6	1.2	1.0	-6.3	-1.6	4.9	5.3
	HDB	HDBANK	23,300	37,135 (1,610)	140,375 (6.1)	4.2	8.2	6.9	24.7	19.2	19.0	1.5	1.2	-4.9	-8.6	-2.9	-1.9
	STB	SACOMBANK	17,250	31,113 (1,349)	627,377 (27.2)	14.0	13.9	10.5	32.4	8.4	9.9	1.0	0.9	-4.7	-9.2	1.8	2.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	25,100	25,895 (1,122)	92,532 (4.0)	0.0	7.1	6.0	37.5	19.9	19.7	1.3	1.1	-6.0	10.0	-7.6	-6.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,700	21,761 (943)	13,507 (0.6)	0.0	25.5	29.1	13.6	5.3	4.4	1.3	1.3	-5.9	12.4	-7.3	-8.1
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	58,000	43,055 (1,866)	80,111 (3.5)	20.8	34.1	27.5	4.3	6.8	8.2	2.2	2.1	-4.1	-9.8	-6.3	-12.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,150	2,389 (104)	27,525 (1.2)	14.8	12.6	10.3	8.4	9.4	11.1	1.0	0.9	-4.6	-8.6	12.0	-14.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	29,800	17,851 (774)	431,325 (18.7)	55.2	15.5	15.3	-4.1	10.3	11.6	-	-	-6.9	10.5	-1.7	-10.0
	VCI	VIET CAPITAL SEC	52,700	8,727 (378)	93,746 (4.1)	73.1	11.3	-	-4.0	15.5	-	-	-	-6.9	11.4	0.0	-9.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	27,750	8,465 (367)	184,240 (8.0)	51.3	16.0	-	-19.0	14.6	-	-	-	-6.9	10.5	10.5	-11.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	24,300	5,067 (220)	159,016 (6.9)	25.8	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-6.9	13.8	15.8	-19.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	103,300	215,860 (9,357)	300,103 (13.0)	42.2	21.1	19.0	6.8	38.9	39.1	7.3	6.7	-3.2	-5.2	-5.2	-5.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	186,800	119,791 (5,193)	31,703 (1.4)	36.9	28.2	23.0	3.5	22.4	24.9	5.8	5.2	-1.7	-4.1	-5.7	-4.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	91,700	107,718 (4,669)	212,106 (9.2)	17.0	99.2	40.7	-52.5	3.5	9.7	3.4	3.2	-4.0	0.9	11.2	3.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,000	13,303 (577)	149,934 (6.5)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-5.5	14.3	15.5	-17.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	130,800	68,518 (2,970)	89,139 (3.9)	11.1	-	31.4	-	-4.3	14.1	4.7	4.2	-0.2	0.6	3.9	4.6
	GMD	GEMADEPT CORP	30,950	9,328 (404)	136,865 (5.9)	11.0	22.7	20.7	-53.1	7.1	7.5	1.5	1.5	-3.9	-1.0	-3.7	-5.1
	CII	HO CHI MINH CITY	21,900	5,231 (227)	69,215 (3.0)	40.4	11.5	10.8	136.8	9.1	8.9	1.0	0.9	0.0	-4.8	10.9	2.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	5,170	2,934 (127)	95,714 (4.1)	46.0	-	-	-	-	-	-	-	5.9	38.2	110.2	104.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,950	10,097 (438)	198,024 (8.6)	37.2	28.7	12.1	-17.7	11.3	12.4	-	-	-2.6	-3.9	-9.3	-6.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	75,800	5,783 (251)	111,040 (4.8)	3.3	11.6	10.5	-40.4	6.3	6.5	0.7	0.7	-4.3	-3.2	2.4	-2.4
	REE	REE	51,900	16,040 (695)	33,735 (1.5)	0.0	10.9	9.5	-9.1	13.4	14.0	1.4	1.3	-2.8	-2.1	8.1	6.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	79,000	151,202 (6,554)	99,322 (4.3)	46.0	18.6	15.4	-14.9	17.0	23.1	3.1	3.1	-5.2	-8.7	-6.2	-8.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	24,200	6,967 (302)	19,745 (0.9)	31.0	10.3	8.6	-10.5	16.9	20.3	1.7	1.7	-1.2	0.8	-2.0	-1.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	27,100	8,689 (377)	13,583 (0.6)	33.9	10.4	10.4	-5.3	14.4	14.3	1.4	1.4	-3.7	4.8	12.9	10.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	40,300	133,525 (5,788)	880,923 (38.2)	17.9	11.6	9.2	15.9	21.1	22.1	2.5	2.0	-4.7	-3.4	-1.1	-2.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,600	6,496 (282)	57,063 (2.5)	36.2	9.2	10.1	8.0	9.7	8.9	0.8	0.7	-5.7	11.5	11.2	-11.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,200	6,988 (303)	58,856 (2.6)	46.0	12.4	16.2	-2.1	10.1	7.8	1.1	1.1	-5.0	-7.0	-4.3	-5.7
	HSG	HOA SEN GROUP	23,450	10,419 (452)	199,819 (8.7)	37.8	9.0	8.2	67.9	15.9	15.5	1.4	1.2	-6.8	-4.7	5.4	5.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	13,900	3,082 (134)	54,406 (2.4)	97.0	7.6	8.1	38.5	11.7	10.1	0.9	0.8	-3.5	-2.5	-0.7	-3.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,700	61,794 (2,679)	56,204 (2.4)	4.3	58.8	18.8	-44.1	4.9	15.3	2.7	2.4	-3.6	-4.9	-4.5	-7.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	18,250	7,686 (333)	242,054 (10.5)	40.3	58.2	57.3	-6.2	0.9	0.9	0.6	0.6	-5.7	14.5	26.7	12.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,600	5,373 (233)	108,001 (4.7)	35.8	10.5	10.1	-8.6	11.1	10.4	1.0	0.9	-6.7	-4.0	27.2	18.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	133,500	62,308 (2,701)	154,733 (6.7)	0.0	15.4	11.9	13.7	28.1	28.3	3.9	3.1	1.1	8.7	12.7	12.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	83,500	18,991 (823)	58,207 (2.5)	0.0	15.6	12.4	7.0	22.9	23.3	3.3	2.6	-1.8	3.7	7.5	3.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	43,500	1,361 (059)	3,223 (0.1)	70.5	18.3	13.3	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	-5.8	2.1	-8.2	-5.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,400	2,243 (097)	70,393 (3.1)	31.2	67.7	20.2	-48.9	2.8	9.3	1.8	1.8	-6.9	-9.3	-9.4	-11.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	62,700	8,496 (368)	71,162 (3.1)	35.2	8.9	15.9	41.1	32.6	16.9	2.5	2.6	-2.0	-7.0	-2.6	-0.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	101,000	13,205 (572)	1,968 (0.1)	45.3	17.3	16.7	10.7	20.3	19.7	3.2	3.0	-1.0	-1.0	-3.4	-2.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	75,600	5,671 (246)	622 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	4.6	4.3	-0.9	-1.2
IT	FPT	FPT CORP	63,000	49,386 (2,141)	143,772 (6.2)	0.0	12.4	10.5	15.5	25.4	27.2	2.7	2.5	-4.5	-0.5	9.4	6.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfsg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.